

(Đề kiểm tra có 4 trang)

Mã đề: 111

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1: Khi xác định được cơ hội kinh doanh tốt sẽ giúp các chủ thể

- A. dễ mắc sai lầm.
- B. giảm sức cạnh tranh.
- C. chủ động trong kinh doanh.
- D. gia tăng nguy cơ phá sản.

Câu 2: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất phát từ

- A. sự tồn tại nhiều chủ sở hữu.
- B. sự gia tăng sản xuất hàng hóa.
- C. nguồn lao động dồi dào trong xã hội.
- D. sự thay đổi cung - cầu.

Câu 3: Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu đời sống là nội dung của khái niệm

- A. sản xuất.
- B. thị trường.
- C. việc làm.
- D. lao động.

Câu 4: Sự tăng lên liên tục mức giá chung của nền kinh tế trong một thời gian nhất định làm giảm giá trị và sức mua của đồng tiền được gọi là

- A. cung cầu.
- B. tiền tệ.
- C. lạm phát.
- D. thị trường.

Câu 5: Một trong những biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh với khách hàng là

- A. vừa hợp tác vừa cạnh tranh lành mạnh.
- B. đối xử bình đẳng, công bằng với nhân viên.
- C. tích cực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.
- D. không sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

Câu 6: Tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể kinh doanh được gọi là

- A. nghĩa vụ của chủ thể sản xuất.
- B. quy định của công ty.
- C. quy tắc trong công việc.
- D. đạo đức kinh doanh.

Câu 7: Người tiêu dùng dựa trên giá cả hàng hoá, thu nhập và nhu cầu của bản thân là biểu hiện của đặc điểm nào trong văn hóa tiêu dùng Việt Nam?

- A. Tính kế thừa.
- B. Tính giá trị.
- C. Tính thời đại.
- D. Tính hợp lí.

Câu 8: Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động, khi khả năng cung ứng lao động lớn hơn khả năng tạo việc làm sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

- A. Lạm phát.
- B. Thất nghiệp.

C. Cạnh tranh.

D. Khủng hoảng.

Câu 9: Giải quyết tốt mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động sẽ góp phần gia tăng việc làm, giảm

A. lạm phát.

B. thất nghiệp.

C. đầu cơ.

D. khủng hoảng.

Câu 10: Hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm là nội dung của khái niệm

A. buôn bán.

B. sản xuất.

C. việc làm.

D. kinh doanh.

Câu 11: Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

A. thất nghiệp.

B. khủng hoảng.

C. thu nhập.

D. lạm phát.

Câu 12: Khi thị trường việc làm ngày càng tăng sẽ làm cho thị trường lao động có xu hướng

A. tăng.

B. giảm.

C. giữ nguyên.

D. cân bằng.

Câu 13: Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh xuất phát từ

A. mâu thuẫn của chủ thể sản xuất.

B. khó khăn của chính mình.

C. lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.

D. bản thân có được và khó khăn bên ngoài.

Câu 14: Hậu quả của tình trạng lạm phát là

A. thu nhập của người dân ổn định.

B. doanh nghiệp mở rộng sản xuất.

C. nền kinh tế tăng trưởng mạnh.

D. đời sống của người dân gặp khó khăn.

Câu 15: Ý tưởng kinh doanh là những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong

A. học tập.

B. nghệ thuật.

C. kinh doanh.

D. công tác.

Câu 16: Nơi thực hiện sự thoả thuận, xác lập quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương gọi là

A. thị trường việc làm.

B. thị trường chứng khoán.

C. thị trường lao động.

D. thị trường.

Câu 17: Sự ganh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm giành lấy những điều kiện thuận lợi trong sản xuất hay lưu hàng hóa, dịch vụ để thu được nhiều lợi ích nhất cho mình là nội dung của khái niệm

A. tranh giành.

B. cạnh tranh.

C. đấu tranh.

D. lợi tức.

Câu 18: Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

A. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.

B. Đối xử công bằng, bình đẳng với nhân viên.

C. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

D. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.

Câu 19: Đạo đức kinh doanh có vai trò

- A. công việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn.
- B. nâng cao uy tín của doanh nghiệp với khách hàng.
- C. chủ thể sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật.
- D. sản phẩm sản xuất ra không đảm bảo chất lượng.

Câu 20: Nơi diễn ra sự thoả thuận, xác lập hợp đồng làm việc giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm, tiền lương và điều kiện làm việc gọi là

- A. thị trường việc làm.
- B. thị trường công việc.
- C. thị trường bất động sản.
- D. thị trường hàng hoá.

Câu 21: Việc xây dựng ý tưởng kinh doanh rất cần thiết, giúp người kinh doanh xác định được vấn đề cơ bản nào dưới đây khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh?

- A. Thời gian sẽ thành công.
- B. Kinh doanh mặt hàng gì.
- C. Đóng góp cho nền kinh tế.
- D. Đóng góp cho gia đình.

Câu 22: Trong nền kinh tế, khi lạm phát vừa phải thì giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng ở mức độ

- A. không đáng kể.
- B. một con số.
- C. hai con số trở lên.
- D. không xác định.

Câu 23: Tình trạng thất nghiệp sẽ dẫn đến hiện tượng nào sau đây?

- A. Sức mua hàng hoá tăng.
- B. Sản xuất phát triển.
- C. Tệ nạn xã hội.
- D. Kinh tế phát triển.

Câu 24: Số lượng hàng hoá, dịch vụ mà người bán có khả năng và sẵn sàng bán ở các mức giá khác nhau trong một thời kì nhất định gọi là

- A. tổng cung.
- B. tổng cầu.
- C. cầu.
- D. cung.

Câu 25: Văn hoá tiêu dùng có vai trò

- A. giúp người tiêu dùng không cần cân nhắc khi mua sắm.
- B. xóa bỏ các thói quen tiêu dùng truyền thống của dân tộc.
- C. thay đổi tác phong làm việc của người lao động.
- D. góp phần giữ gìn các giá trị truyền thống về tiêu dùng.

Câu 26: Tính giá trị trong văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam được hiểu là

- A. tiêu dùng hướng tới các giá trị tốt đẹp.
- B. tiêu dùng có sự kế thừa truyền thống của dân tộc.
- C. có thói quen tiêu dùng phù hợp với sự phát triển của thời đại.
- D. tiêu dùng không cần xem xét chất lượng sản phẩm.

Câu 27: Tổng thể các yếu tố giá trị, chuẩn mực, tâm lí tạo nên tập quán tiêu dùng biểu hiện qua hành vi tiêu dùng là khái niệm

- A. văn hoá tiêu dùng.
- B. văn hoá dân tộc.
- C. truyền thống dân tộc.
- D. thói quen của người dân.

Câu 28: Những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh được gọi là

- A. cơ hội kinh doanh.
- B. ý tưởng sáng tạo.
- C. hoàn cảnh thuận lợi.
- D. năng lực của bản thân.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Trong thời đại công nghệ 4.0, ở nước ta những công việc đòi hỏi người lao động có trình độ học vấn chuyên môn tay nghề cao thì lại không có nhiều lao động đáp ứng được. Trong khi đó, lại dư thừa lao động, chủ yếu là những lao động có ít kinh nghiệm làm việc, những lao động ở nông thôn, những lao động không có chuyên môn, nghiệp vụ.

a) Tình trạng trên phản ánh điều gì của thị trường lao động ở nước ta?

b) Theo em, người lao động cần phải làm gì để đáp ứng xu hướng tuyển chọn lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề cao ở nước ta hiện nay?

Câu 2: (1 điểm) Phát triển bền vững và xu hướng tiêu dùng sản phẩm xanh đang là xu hướng phổ biến trên thế giới. Việt Nam cũng không nằm ngoài dòng chảy này. Tuy nhiên, một số học sinh vẫn ưu tiên lựa chọn sản phẩm nhựa, sử dụng một lần vì sự tiện lợi.

a) Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm của các học sinh trong trường hợp trên? Vì sao?

b) Nếu là bạn của các học sinh đó, em sẽ đưa ra lời khuyên như thế nào để các bạn thay đổi hành vi tiêu dùng của mình?

----- HẾT -----